

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

FACTORS INFLUENCING STUDENTS' ACCOUNTING CAREER PATHS AT THE UNIVERSITY OF PHAN THIET

Trần Thị Hồng Diễm^{1,*}, Nguyễn Thị Thu Hậu²

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.2024.065>

TÓM TẮT

Bài báo xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua quá trình khảo sát đối với sinh viên năm 1, 2, 3 ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết với tổng 150 mẫu quan sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố đều tác động cùng chiều đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết. Nhân tố Sự tiếp xúc nghề nghiệp có tác động mạnh nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Theo đó, khi sinh viên biết được sự tồn tại của các tổ chức kế toán chuyên nghiệp, được trải nghiệm các buổi học kế toán thực tế,... sẽ giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp tốt. Nhân tố Động lực bên trong có sự tác động mạnh thứ hai đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán; Kết quả này cho thấy sự chủ động của sinh viên, lựa chọn ngành học phù hợp với sở thích của bản thân và đầu tư thời gian học tập chuyên ngành đã định hướng. Nhân tố Động lực bên ngoài có sự tác động mạnh thứ ba đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Sinh viên khi nắm bắt thông tin về cơ hội việc làm và thu nhập có thể nhận được từ ngành theo học sẽ tạo động lực theo đuổi nghề nghiệp lâu dài. Cuối cùng, nhân tố Ảnh hưởng của bên thứ ba có sự tác động yếu nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán.

Từ khóa: Ngành kế toán; định hướng nghề nghiệp; sinh viên.

ABSTRACT

This paper examines the factors influencing accounting students' career paths at University of Phan Thiet. Research data was collected through the survey of 1st, 2nd, and 3rd year accounting students at University of Phan Thiet with a total of 150 observations. The research results show that all factors have a positive impact on the accounting students' career paths at University of Phan Thiet. Career Exposure has the strongest impact on students' career paths. Accordingly, when students know the existence of professional accounting organizations, experience practical accounting lessons, etc., it will help students make better decisions about their careers. Intrinsic Motivation has the second strongest impact on the career paths of accounting students; The result shows students' initiative in choosing majors that suit their interests and spending time studying the targeted major. Extrinsic Motivation has the third strongest impact on the career paths of accounting students. The students have information about job opportunities and income they can receive from their major, they will be motivated to pursue career paths. Finally, the Influences of Third Parties have the weakest impact on the career paths of accounting students.

Keywords: Accounting; career paths; student.

¹Khoa Tài chính - Kế toán - Ngân hàng, Trường Đại học Phan Thiết

²Khoa Kinh tế, Trường Đại học Bạc Liêu

*Email: tthdiem@upt.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/8/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/9/2023

Ngày chấp nhận đăng: 25/02/2024

1. GIỚI THIỆU

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi hoạt động cũng cần đến kế toán, bởi vì, kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính của doanh nghiệp đến người sử dụng thông tin (Luật Kế toán số 88/2015/QH13). Vì vậy, nhu cầu về nguồn lực kế toán luôn cần trong các doanh nghiệp. Thêm vào đó, đồng hành cùng sự mở rộng của nghề nghiệp kế toán thì các tổ chức chuyên nghiệp cũng hình thành nhằm giúp định hướng và phát triển ngành nghề. Một số tổ chức kế toán chuyên nghiệp nước ngoài chuyên đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề giúp kế toán viên có thêm cơ hội làm việc tại nhiều đơn vị trên thế giới như: Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (UK-based Association of Chartered Certified Accountants - ACCA); Hiệp hội kế toán viên công chứng Úc (Chartered Professional Accountant Australia - CPA Australia),... Bên cạnh đó, các tổ chức trong nước về kế toán cũng được thành lập: Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (Vietnam Accounting Association - VAA) với hơn 12.000 thành viên, Hội Kiểm

toán viên hành nghề Việt Nam (Vietnam Association of Certified Public Accountants - VACPA) với hơn 1.100 thành viên,... nhằm cập nhật kiến thức kế toán, kiểm toán và cấp chứng chỉ hành nghề kế toán viên, kiểm toán viên cho người học kế toán sau khi tốt nghiệp và phát triển nghề nghiệp kế toán theo hướng chuyên nghiệp.

Sự phát triển của nghề kế toán, nhu cầu thị trường về việc làm kế toán ngày càng nhiều và yêu cầu người làm kế toán phải có sự chuyên nghiệp. Nhằm nắm bắt xu hướng nghề nghiệp và đạt được yêu cầu tuyển dụng thì người học, người làm kế toán phải luôn cố gắng học tập nâng cao kiến thức. Để đạt được điều đó, người học phải có những hiểu biết về nghề nghiệp và có định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

Câu hỏi đặt ra: Người học kế toán có định hướng theo đuổi nghề nghiệp bản thân đã chọn không? Tiếp đó, nhân tố nào sẽ ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của người học ngành kế toán? Và đối với người học kế toán được đào tạo tại trường có vị trí địa lý không thuộc tỉnh thành lớn thì việc định hướng nghề nghiệp sẽ như thế nào?. Nhằm trả lời câu hỏi đã đặt ra nhóm tác giả quyết định thực hiện nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết.

Các nhân tố dự đoán có sự tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán được đưa vào mô hình nghiên cứu gồm: Động lực bên trong (Intrinsic Motivation); động lực bên ngoài (Extrinsic Motivation); ảnh hưởng của bên thứ ba (Influence of Third Parties); sự tiếp xúc nghề nghiệp (Career Exposure). Về nhân tố định hướng nghề nghiệp sẽ được đo lường thông qua các biến quan sát về kế hoạch học tập sau khi tốt nghiệp và định hướng học tập bổ sung chứng chỉ liên quan, hiểu rõ sự lựa chọn của bản thân.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả cũng đưa ra nhận xét và đề xuất đối với Trường Đại học Phan Thiết, các tổ chức giáo dục đại học, các nhà tuyển dụng và tổ chức nghề nghiệp trong việc phối hợp tổ chức đào tạo, tư vấn, thông tin, truyền thông đến người học ngành kế toán nhằm tạo sự hứng thú và định hướng nghề nghiệp lâu dài.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Nghiên cứu trong nước

Định hướng nghề nghiệp là một hành trình suốt đời và cần được lên kế hoạch rõ ràng ngay từ khi bắt đầu (Yusoff và cộng sự, 2011). Một cá nhân khi có định hướng nghề nghiệp rõ ràng sẽ là yếu tố mang lại thành công cho họ (Joseph và cộng sự, 2012). Vì vậy, việc lựa chọn ngành học phù hợp với đặc điểm bản thân, nắm bắt thông tin đặc điểm ngành nghề và theo đuổi con đường đã chọn là rất quan trọng, tạo nền tảng công việc và thu nhập tốt. Trong quá trình định hướng nghề nghiệp mỗi cá nhân sẽ bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau và theo từng mức độ nhất định.

Động lực bên trong

Nhân tố đầu tiên xuất phát từ đặc điểm bản thân người học, liên quan đến động lực bên trong. (Odia và Ogiedu,

2013) cho rằng: Động lực bên trong đó là những trải nghiệm đã đi qua và họ cảm thấy hứng thú với những điều đó. Áp dụng cho đặc điểm của sinh viên ngành kế toán trong việc lựa chọn ngành học thấy rằng: Các sinh viên lựa chọn ngành kế toán vì yêu thích những con số và thường có kết quả học tập tốt ngay từ trung học phổ thông liên quan đến các môn học tính toán. Kết quả nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Raharja và Liany, 2020) cũng cho thấy động lực bên trong là nhân tố tác động mạnh nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán, theo đó sinh viên ngành kế toán thích tính toán và cảm thấy hứng thú về kế toán. Từ hướng kết quả các nghiên cứu trước nhóm tác giả đưa ra giả thuyết:

H1: Động lực bên trong ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán.

Động lực bên ngoài

Người học lựa chọn ngành kế toán có thể xuất phát từ động lực bên trong và cả động lực bên ngoài. Nghiên cứu của (Samsuddin và cộng sự, 2015) dựa vào dữ liệu thu thập qua quá trình phỏng vấn sinh viên năm cuối ngành kế toán tại UiTM Johor, Malaysia cho thấy: Động lực bên trong và động lực bên ngoài là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định theo đuổi nghề nghiệp kế toán chuyên nghiệp. Cũng thực hiện nghiên cứu với đối tượng sinh viên ngành kế toán tại Malaysia, nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017) chỉ ra rằng: Người học nhận thức được điểm mạnh của bản thân và nhận thức về ngành kế toán như có nhiều cơ hội việc làm khi ra trường và mức thu nhập tốt sẽ tạo động lực theo đuổi con đường nghề nghiệp đã chọn. Dựa vào hướng kết quả từ các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết:

H2: Động lực bên ngoài ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán.

Ảnh hưởng từ bên thứ ba

Việc định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên ngành kế toán còn chịu ảnh hưởng từ bên thứ ba (thành viên gia đình, bạn bè, cố vấn học tập,...) (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Porter và Woolley, 2014; Raharja và Liany, 2020). Tuy nhiên, sự tác động là yếu hoặc tác động ngược chiều. Nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017) với mẫu khảo sát thực hiện đối với sinh viên năm 1, 2, 3 ngành kế toán tại Malaysia. Kết quả nghiên cứu sự tác động của bên thứ ba đến định hướng nghề nghiệp là ngược chiều, sinh viên sẽ không bị ảnh hưởng bởi những người xung quanh (bên thứ ba) trong việc quyết định theo nghề kế toán và sự hứng thú đối với nghề. Dựa vào kết quả của các nghiên cứu trước và sự phát triển của truyền thông ngày nay, nhóm tác giả cũng dự đoán rằng sự tác động của nhân tố ảnh hưởng của bên thứ ba đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên tại Việt Nam vẫn tác động cùng chiều nhưng tác động yếu bởi đặc điểm văn hóa.

H3: Ảnh hưởng từ bên thứ ba ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán.

Sự tiếp xúc nghề nghiệp

Sự tiếp xúc nghề nghiệp cũng tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên (Bhat và Khan, 2023; Hutaibat,

2012; Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Porter và Woolley, 2014). Người học cần có đủ thông tin về nghề nghiệp kế toán và tiếp xúc để định hướng nghề nghiệp của mình như: thông qua các buổi giảng, tư vấn của các tổ chức nghề nghiệp kế toán nhằm nắm bắt thông tin công việc, tiếp xúc thực tế, định hướng mở rộng kiến thức sau khi tốt nghiệp; hoặc thông qua các bài giảng được trải nghiệm các buổi học thực tế về các tình huống trong doanh nghiệp;... Thêm vào đó, nghiên cứu của (Hutaibat, 2012) còn chỉ ra sinh viên ngành kế toán ưa thích kế toán tài chính hơn là kế toán quản trị bởi vì nhận được ít thông tin, tư vấn về công việc kế toán quản trị trong các buổi hội thảo, tư vấn hướng nghiệp do trường tổ chức. Vì vậy, trong nghiên cứu này nhóm tác giả đã đưa yếu tố sự tiếp xúc nghề nghiệp vào mô hình nghiên cứu để xem xét sự ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên và dựa vào kết quả nghiên cứu để đưa ra những kiến nghị phù hợp. Sự tiếp xúc nghề nghiệp tạo ra sự hiểu biết về nghề, điều này giúp sinh viên có thể định hướng nghề nghiệp tốt hơn. Vì vậy, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết:

H4: Sự tiếp xúc nghề nghiệp ảnh hưởng tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán.

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu trong nước

Ngày nay cách mạng công nghệ 4.0 ngày càng phát triển mạnh mẽ, các ngành nghề đều bị chi phối trong đó có kế toán. Người kế toán giỏi không những nắm được chuyên môn mà còn phải biết về công nghệ thông tin. Để mở rộng, phát triển nghề nghiệp kế toán, sinh viên cần đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chính vì vậy, việc nắm bắt các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên kế toán sẽ giúp sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về xu hướng ngành nghề, được định hướng rõ ràng trong việc phát triển nghề nghiệp tương lai, từ đó đưa ra những quyết định học tập hiệu quả cho bản thân. Có nhiều bài viết đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề kế toán của sinh viên.

Nghiên cứu của (Trần Thị Hồng Diễm và Lê Thị Bảo Như, 2022) đăng trong Hội thảo khoa học quốc gia về kế toán và kiểm toán - VCAA 2022 về chủ đề "Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành kế toán của sinh viên". Nghiên cứu thực hiện khảo sát với đối tượng sinh viên năm nhất, năm hai cho thấy các nhân tố: Nhận thức về việc học kế toán; ấn tượng ban đầu về ngành kế toán; cơ hội việc làm; kỳ vọng đối với nghề kế toán có tác động tích cực đến việc lựa chọn ngành kế toán của sinh viên. Trong đó, nhân tố nhận thức về việc học kế toán tác động mạnh nhất đến vấn đề lựa chọn ngành kế toán của sinh viên. Vì vậy, người học khi có nhận thức tốt về việc học và có định hướng nghề nghiệp rõ ràng sẽ tạo động lực phát triển và đạt được sự thành công trong tương lai.

Nghiên cứu của (Nguyễn Tố Tâm, 2022) đã đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam. Các nhân tố chủ quan gồm nhân tố tính cách và nhân tố động cơ nghề nghiệp của bản thân sinh viên. Các nhân tố khách quan ảnh hưởng gồm giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông, gia

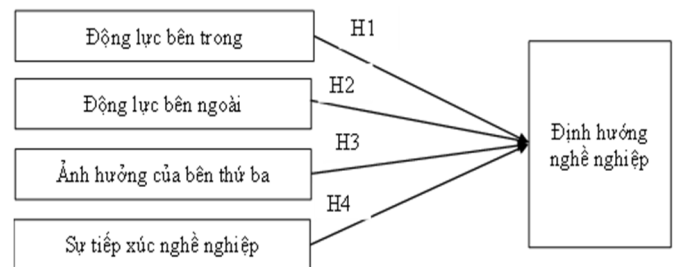
đình, bạn bè, thị trường lao động, trường đại học có đào tạo ngành kế toán - kiểm toán. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra động cơ nghề nghiệp và tầm quan trọng của các trường đại học trong đào tạo ngành kế toán - kiểm toán có ảnh hưởng đến việc lựa chọn của các sinh viên. Nhân tố tính cách, gia đình, bạn bè và giáo dục hướng nghiệp tại trường trung học phổ thông không ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành kế toán - kiểm toán của sinh viên.

Tác giả (Đặng Thị Mây, 2023) nghiên cứu "Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán" đã xác định có 3 nhân tố bên trong (nhân tố năng lực kiến thức, nhân tố năng lực và kỹ năng, nhân tố tính cách và thái độ) và 4 nhân tố bên ngoài (nhân tố giáo dục và đào tạo, nhân tố sự phát triển của công nghệ thông tin trong ngành nghề kế toán - kiểm toán, nhân tố xã hội và gia đình, nhân tố yêu cầu của nhà tuyển dụng) ảnh hưởng đến khả năng phát triển nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán. Điểm hạn chế của nghiên cứu là chỉ dừng lại ở nghiên cứu định tính chưa xác định mô hình để nghiên cứu định lượng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào mục tiêu nghiên cứu và tổng quan từ các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đề xuất 4 nhân tố có thể tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Bảng 1. Nguồn tham khảo

STT	Thang đo	Biến quan sát	Mã hóa	Kế thừa từ các nghiên cứu trước
1	Động lực bên trong (IM)	Tôi yêu thích kế toán	IM1	(Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Odia và Ogiedu, 2013)
		Kế toán thu hút tôi	IM2	
		Tôi cảm thấy vui khi trở thành kế toán viên	IM3	
		Tôi sẽ dành nhiều thời gian để học về kế toán	IM4	
		Tôi có thể làm tốt hơn khi thực hiện tính toán	IM5	
2	Động lực bên ngoài (EM)	Tôi lựa chọn học kế toán bởi vì sẽ có việc làm sẵn cho tôi sau khi tốt nghiệp	EM1	(Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Porter và Woolley, 2014)
		Tôi lựa chọn học kế toán bởi vì sẽ luôn có công việc tốt dành cho người học kế toán như tôi	EM2	
		Tôi có được thu nhập cao từ nghề khi tốt nghiệp ngành kế toán	EM3	

		Trở thành kế toán viên có nhiều ưu thế	EM4	
		Kế toán chuyên nghiệp nhận được sự đánh giá cao	EM5	
3	Ảnh hưởng của bên thứ ba (ITP)	Gia đình và bạn bè xung quanh có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn định hướng nghề nghiệp của tôi	ITP1	(Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Raharja và Liany, 2020)
		Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi tổ chức giáo dục trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp	ITP2	
		Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi truyền thông trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp	ITP3	
		Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi cộng đồng/xã hội trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp	ITP4	
		Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi cố vấn học tập về việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp	ITP5	
4	Sự tiếp xúc nghề nghiệp (CE)	Tôi lựa chọn học kế toán bởi vì sẽ có việc làm sẵn cho tôi sau khi tốt nghiệp	CE1	(Hutaibat, 2012; Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Bhat và Khan, 2023)
		Tôi được trải nghiệm những buổi học tại trường đại học	CE2	
		Tôi biết thêm về nghề nghiệp qua buổi tư vấn và hội thảo về nghề kế toán được tổ chức bởi các trường đại học	CE3	
		Tôi biết rằng có nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên ngành kế toán	CE4	
		Có sự hỗ trợ thông tin từ các tổ chức chuyên nghiệp cho sinh viên ngành kế toán	CE5	
5	Định hướng nghề nghiệp (CP)	Tôi có kế hoạch học lên cao học sau khi tốt nghiệp	CP1	(Hutaibat, 2012; Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Bhat và Khan, 2023)
		Tôi có ý định tiếp tục học thêm các chứng chỉ chuyên nghiệp về nghề kế toán	CP2	
		Tôi biết rõ sự lựa chọn của mình dựa trên trình độ của bản thân	CP3	
		Tôi hiểu các lựa chọn nghề nghiệp dành cho mình (như, trợ lý kiểm toán, kế toán viên, kế toán chi phí, ...)	CP4	
		Tôi biết rõ lựa chọn của mình sau khi tốt nghiệp.	CP5	

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Nhóm tác giả thực hiện hai bước khảo sát: Khảo sát sơ bộ nhằm hỏi ý kiến chuyên gia về nội dung khảo sát (bước 1) và khảo sát chính thức nhằm thu thập dữ liệu đo lường (bước 2). Bước 1 được thực hiện thông qua việc phỏng vấn chuyên gia, bước 2 được thực hiện thông qua việc gửi bảng khảo sát đến các sinh viên ngành kế toán Trường Đại học Phan Thiết. Sau đó, thực hiện tổng hợp dữ liệu khảo sát và nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS 25.0 xử lý.

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu

*** Chọn mẫu và xác định cỡ mẫu**

Trong bài nghiên cứu nhóm tác giả áp dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy.

Điều kiện phân tích nhân tố khám phá, kích thước mẫu tối thiểu cần đạt $N > 5 \cdot x$ (x: Tổng số biến quan sát) (Hair và cộng sự, 1998); điều kiện phân tích hồi quy, kích thước mẫu tối thiểu cần $N > 50 + 8 \cdot m$ (m: Là số biến độc lập) (Tabachnick và Fidell, 1996; Nguyễn Đình Thọ, 2014).

Áp dụng cho nghiên cứu này, số biến theo mô hình lý thuyết đã đặt ra là 25 biến quan sát và 4 biến độc lập, số mẫu yêu cầu tối thiểu $N > (5 \cdot 25; 50 + 8 \cdot 4) = 125$ mẫu.

Nhóm tác giả tiến hành khảo sát với đối tượng là sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết.

*** Phương pháp xử lý số liệu**

Sau khi tiến hành thu thập, dữ liệu được thống kê bằng phần mềm excel. Sau đó, dữ liệu được đưa vào phần mềm SPSS 25.0 để hỗ trợ tính toán số liệu thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA và chạy hồi quy tuyến tính.

Phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm loại bỏ những biến quan sát không phù hợp, xem xét sự hội tụ và phân biệt của các nhóm biến nghiên cứu.

Phân tích hồi quy nhằm xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa các biến trong mô hình nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thống kê mô tả

Bảng 2. Thống kê mô tả

	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số	150	100%
Giới tính		
Nam	8	5,3%
Nữ	142	94,7%
Năm học		
Năm 1	59	39,3%
Năm 2	48	32,0%
Năm 3	43	28,7%
Lựa chọn công việc liên quan đến ngành học khi ra trường		
Có	136	90,7%
Không	14	9,3%
Sinh viên biết sự đa dạng công việc liên quan đến ngành kế toán: Kế toán, thuế, kiểm toán,...		
Có	143	95,3%
Không	7	4,7%

Nguồn: Tính toán bởi nhóm tác giả từ dữ liệu nghiên cứu (2023)

Dựa vào bảng thống kê mô tả (bảng 2) cho thấy: Tổng số sinh viên thực hiện khảo sát là 150 (sau khi lọc phiếu khảo sát đạt yêu cầu), trong đó số lượng sinh viên nam, nữ lần lượt là: 8; 142 chiếm tỷ lệ 5,3%; 94,7%; số lượng sinh viên năm 1, 2, 3 thực hiện khảo sát lần lượt là: 59; 48; 43 chiếm tỷ lệ 39,3%; 32,0%; 28,7%.

Bên cạnh việc thu thập dữ liệu liên quan đến các biến trong mô hình nghiên cứu nhóm tác giả còn đặt ra một số

câu hỏi liên quan đến định hướng công việc của sinh viên khi ra trường và sự tìm hiểu thông tin việc làm. Kết quả thống kê mô tả cho thấy: Khoảng 90,7% sinh viên định hướng làm công việc liên quan đến ngành học khi ra trường và hầu hết các sinh viên đều biết sự đa dạng công việc liên quan đến ngành học kế toán chiếm tỷ lệ 95,3%. Qua kết quả thống kê mô tả cho thấy hầu hết sinh viên có nắm bắt thông tin về sự đa dạng công việc liên quan đến ngành học kế toán và lựa chọn làm việc theo đúng ngành học khi ra trường.

3.2. Kiểm định thang đo và phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Bảng 3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Principal component factors				
	EM	ITP	IM	CE
EM3	0,853			
EM1	0,844			
EM4	0,819			
EM2	0,784			
EM5	0,718			
ITP4		0,866		
ITP5		0,814		
ITP1		0,766		
ITP3		0,753		
ITP2		0,742		
IM1			0,922	
IM3			0,898	
IM2			0,891	
IM5			0,841	
CE3				0,875
CE5				0,842
CE4				0,808
CE2				0,805
Cronbach's Alpha	0,897	0,880	0,944	0,902
Eigenvalues	7,375	2,372	2,051	1,848
% of variance	40,973	13,18	11,394	10,265
Cumulative %	40,973	54,153	65,548	75,813

Nguồn: Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SPSS 25.0 (2023)

Trong đó:

EM: Động lực bên ngoài

EM1: Tôi lựa chọn học kế toán bởi vì sẽ có việc làm sẵn cho tôi sau khi tốt nghiệp

EM2: Tôi lựa chọn học kế toán bởi vì sẽ luôn có công việc tốt dành cho người học kế toán như tôi

EM3: Tôi có được thu nhập cao từ nghề khi tốt nghiệp ngành kế toán

EM4: Trở thành kế toán viên có nhiều ưu thế

EM5: Kế toán chuyên nghiệp nhận được sự đánh giá cao

ITP: Ảnh hưởng của bên thứ ba

ITP1: Gia đình và bạn bè xung quanh có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn định hướng nghề nghiệp của tôi

ITP2: Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi tổ chức giáo dục trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp

ITP3: Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi truyền thông trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp

ITP4: Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi cộng đồng/xã hội trong việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp

ITP5: Tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi cố vấn học tập về việc lựa chọn định hướng nghề nghiệp

IM: Động lực bên trong

IM1: Tôi yêu thích kế toán

IM2: Kế toán thu hút tôi

IM3: Tôi cảm thấy vui khi trở thành kế toán viên

IM5: Tôi có thể làm tốt hơn khi thực hiện tính toán

CE: Sự tiếp xúc nghề nghiệp

CE2: Tôi được trải nghiệm những buổi học tại trường đại học

CE3: Tôi biết thêm về nghề nghiệp qua buổi tư vấn và hội thảo về nghề kế toán được tổ chức bởi các trường đại học

CE4: Tôi biết rằng có nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên ngành kế toán

CE5: Có sự hỗ trợ thông tin từ các tổ chức chuyên nghiệp cho sinh viên ngành kế toán

Dựa vào bảng phân tích nhân tố khám phá (EFA) (bảng 3) cho thấy thang đo các nhân tố EM, ITP, IM, CE đều có hệ số Cronbach's Alpha đều thỏa điều kiện nằm trong khoảng [0,6 - 0,95], đạt độ tin cậy và được dùng cho phân tích nhân tố khám phá EFA.

Bảng 4. Bảng hệ số KMO

KMO and Bartlett's Test		Biến độc lập	Biến phụ thuộc
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		0,858	0,763
Bartlett's Test of Sphericity	Approx, Chi-Square	2129,317	534,607
	df	153	10
	Sig.	0,000	0,000

Nguồn: Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SPSS 25.0 (2023)

Kết quả KMO và kiểm định Bartlett (bảng 4) cho thấy:

- Hệ số KMO khi đo lường các biến độc lập và biến phụ thuộc lần lượt là: 0,858 và 0,763 thỏa điều kiện $0,5 < KMO < 1$.

- Kiểm định Bartlett: có ý nghĩa thống kê Sig là 0,000 < 0,05 thỏa điều kiện.

- Kết hợp với kết quả phân tích được trình bày tại bảng 3:

- Trị số Eigenvalues đều lớn hơn 1 (thỏa điều kiện phân tích > 1).

- Tổng phương sai trích là 75,813% (thỏa điều kiện phân tích > 50%).

Các kết quả này cho thấy mô hình phù hợp.

3.3. Hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình

Bảng 5. Hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình

Correlations						
		CP	IM	EM	ITP	CE
CP	Pearson Correlation	1	0,542**	0,506**	0,473**	0,687**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000
IM	Pearson Correlation	0,542**	1	0,340**	0,360**	0,414**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
EM	Pearson Correlation	0,506**	0,340**	1	0,409**	0,394**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
ITP	Pearson Correlation	0,473**	0,360**	0,409**	1	0,412**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
CE	Pearson Correlation	0,687**	0,414**	0,394**	0,412**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000

** Correlation is significant at the 0,01 level (2-tailed).

Nguồn: Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SPSS 25.0 (2023)

Từ bảng 5 cho thấy hệ số tương quan Pearson đều nằm trong khoảng [-1; 1] và đều có ý nghĩa thống kê, mức ý nghĩa (Sig) < 0,05.

3.4. Kết quả hồi quy tuyến tính và thảo luận

Bảng 6. Kết quả hồi quy tuyến tính và hệ số phóng đại phương sai VIF

Coefficients ^a							
Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	0,246	0,265		0,929	0,354		
EM	0,162	0,051	0,193	3,203	0,002	0,753	1,328
ITP	0,127	0,067	0,117	1,909	0,058	0,734	1,362
CE	0,466	0,063	0,461	7,439	0,000	0,714	1,401
IM	0,171	0,042	0,243	4,065	0,000	0,766	1,305

Nguồn: Dữ liệu kết xuất từ phần mềm SPSS 25.0 (2023)

Dựa vào kết quả trình bày tại bảng 6 cho thấy:

- Hệ số phóng đại phương sai VIF đều < 2 chứng tỏ không có đa cộng tuyến xảy ra.

- Kết quả kiểm định t cho thấy, các biến độc lập có sự tác động đến biến phụ thuộc và đều có ý nghĩa thống kê mức 1%, 5%, 10%.

Nhân tố Sự tiếp xúc nghề nghiệp (Byrne và cộng sự, 2012) có sự tác động mạnh nhất đến định hướng nghề nghiệp (CP) của sinh viên ngành kế toán (hệ số hồi quy beta 0,461). Kết quả giống với nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017) cho thấy sự tiếp xúc nghề nghiệp có tác động tích cực và có sự tác động mạnh đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Điều này cho thấy sinh viên tiếp cận được nhiều thông tin và có sự tiếp xúc với nghề nghiệp kế toán thông qua các tổ chức kế toán, quan sát thực tế công việc sẽ giúp định hướng nghề nghiệp tốt hơn.

Nhân tố Động lực bên trong (Mbawuni và Nimako, 2015) có sự tác động mạnh thứ hai đến định hướng nghề nghiệp (CP) của sinh viên ngành kế toán (hệ số hồi quy beta 0,243). Kết quả giống với nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Odia và Ogiedu, 2013; Raharja và Liany, 2020), động lực bên trong sẽ có sự tác động mạnh và tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Sinh viên ngành kế toán lựa chọn ngành học và theo đuổi nghề nghiệp kế toán bởi họ yêu thích tính toán, tìm thấy niềm vui khi học tập chuyên ngành và sự thu hút bởi nghề.

Nhân tố Động lực bên ngoài (Samsuddin và cộng sự, 2015) có sự tác động mạnh thứ ba đến định hướng nghề nghiệp (CP) của sinh viên ngành kế toán (hệ số hồi quy beta 0,193). Kết quả giống với nghiên cứu của (Ng Yen-Hong và cộng sự, 2017; Odia và Ogiedu, 2013), động lực bên ngoài có tác động tích cực đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Các biến quan sát của nhân tố động lực bên ngoài: Nhiều cơ hội việc làm, triển vọng nghề nghiệp, tiền lương,... sẽ tạo sự quan tâm và động lực để sinh viên học tập, theo đuổi ngành nghề.

Nhân tố Ảnh hưởng của bên thứ ba (ITP) có sự tác động yếu nhất đến ba đến định hướng nghề nghiệp (CP) của sinh viên ngành kế toán (hệ số hồi quy beta 0,117) và mức ý nghĩa 10%. Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu của (Porter và Woolley, 2014; Raharja và Liany, 2020) cho thấy sự tác động yếu của nhân tố Ảnh hưởng của bên thứ ba đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Kết quả này cũng giống xu hướng kết quả nghiên cứu trước của tác giả về đề tài liên quan đến lựa chọn ngành học kế toán của sinh viên, sự lựa chọn ngành học của sinh viên ít chịu ảnh hưởng của những người xung quanh. Điều này ghi nhận hướng tốt cho thấy sinh viên chủ động hơn trong định hướng nghề nghiệp.

4. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết hầu hết đều có định hướng làm về kế toán khi ra trường và nắm bắt cơ hội nghề nghiệp khi ra trường.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các nhân tố đưa vào mô hình nghiên cứu đều tác động đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán và chiều tác động là cùng chiều. Mức độ tác động của các nhân tố đến định hướng nghề nghiệp lần lượt là: Sự tiếp xúc nghề nghiệp, động lực bên trong, động lực bên ngoài và ảnh hưởng của bên thứ ba.

Kết quả này cho thấy, sinh viên được tiếp xúc với nghề nghiệp kế toán như: Biết được sự tồn tại của các tổ chức kế toán chuyên nghiệp; được trải nghiệm các buổi học kế toán thực tế; được biết thông tin và cơ hội nghề nghiệp thông qua các buổi hội thảo, tư vấn,... sẽ có ảnh hưởng lớn đến sinh viên trong việc định hướng nghề nghiệp. Qua kết quả nghiên cứu nhóm tác giả đề xuất Nhà trường nên liên kết với các tổ chức nghề nghiệp kế toán chuyên nghiệp để tổ chức các buổi hướng nghiệp để định hướng nghề nghiệp, định hướng phát triển lâu dài đến sinh viên kế toán. Nhà trường

tiếp tục liên kết với các nhà tuyển dụng để nắm bắt được yêu cầu của nhà tuyển dụng, tạo cơ hội việc làm và cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên. Tiếp đó, trong chương trình học cần tổ chức các chuyên đề kỹ năng về nghề nghiệp hoặc các yêu cầu của nhà tuyển dụng khi sinh viên mới tốt nghiệp cần có để tìm kiếm công việc liên quan đến ngành học và các tiết học thực tế.

Đặc điểm liên quan đến cá nhân (động lực bên trong) có tác động mạnh thứ hai đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Sinh viên khi lựa chọn ngành học kế toán đã có sự yêu thích và thu hút bởi ngành học và sẵn sàng dành nhiều thời gian để học về kế toán. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy sinh viên ngành kế toán tại Trường Đại học Phan Thiết các giảng viên nên có sự kết nối giữa lý thuyết và thực tế, đồng thời yêu cầu sinh viên tự tìm hiểu thêm mối liên kết đó thông qua các phương tiện truyền thông. Hơn thế nữa, các trường trung học phổ thông cũng có thể dựa vào kết quả nghiên cứu này để hướng nghề cho học sinh của mình để các em có sự lựa chọn ngành học phù hợp với đặc điểm cá nhân của mình.

Động lực bên ngoài có sự tác động mạnh thứ ba đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán. Sinh viên kế toán sau khi tốt nghiệp ra trường có nhiều cơ hội để lựa chọn công việc liên quan đến kế toán như: Kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán kho bạc, kế toán ngân hàng, tài chính, thuế... và có thể làm ở tất cả các đơn vị như đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, ngân hàng, kho bạc... Vì vậy, việc thông tin đến sinh viên về cơ hội việc làm và thu nhập sẽ ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Nhà trường cần tổng hợp thông tin nghề nghiệp và thông tin thu nhập để truyền đạt đến sinh viên.

Ảnh hưởng của bên thứ ba là nhân tố tác động yếu nhất đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên tuy nhiên tác động này vẫn là tích cực. Điều này cho thấy sự chủ động của sinh viên trong việc định hướng nghề nghiệp nhưng cùng với đó bên thứ ba (gia đình, người xung quanh, cố vấn học tập,...) cần có sự hiểu biết về nghề nghiệp kế toán để giúp sinh viên có định hướng nghề nghiệp tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu cũng hỗ trợ các bằng chứng thực nghiệm đã tìm thấy từ các nghiên cứu trước liên quan đến chủ đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bhat, Mohd Abass, & Khan, Shagufta Tariq (2023). Determinants of accounting students' decision to pursue career as ACCA-certified accountants: a case study of Omani students. *Management Sustainability: An Arab Review*.

Byrne, Marann, Flood, Barbara, Hassall, Trevor, Joyce, John, Arquero Montañó, Jose Luis, González González, José María, & Tourna-Germanou, Eleni. (2012). *Motivations, expectations and preparedness for higher education: A study of accounting students in Ireland, the UK, Spain and Greece*. Paper presented at the Accounting Forum.

Dang Thi May (2023). Factors affecting the career development of students majoring in accounting - auditing. *Industry and Trade Magazine, Vol. 6*.

Hair, J. F., Anderson, R. E., Tatham, R. L. & William, C. 1998. Black (1998). *Multivariate data analysis, 5*, 87-135.

Hutaibat, Khaled Abed (2012). Interest in the management accounting profession: accounting students' perceptions in Jordanian universities. *Asian Social Science, 8*(3), 303.

Joseph, Damien, Boh, Wai Fong, Ang, Soon, & Slaughter, Sandra A (2012). The career paths less (or more) traveled: A sequence analysis of IT career histories, mobility patterns, and career success. *Mis Quarterly, 427-452*.

Law on Accounting No. 88/2015/QH13 of Socialist Republic of Vietnam.

Mbawuni, Joseph, & Nimako, Simon Gyasi (2015). Modelling Job-Related and Personality Predictors of Intention to Pursue Accounting Careers among Undergraduate Students in Ghana. *World Journal of Education, 5*(1), 65-81.

Nguyen Dinh Tho (2014). *Giao trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Finance Publishing House, Hanoi.

Nguyen To Tam, Nguyen Tho Hong Nhung, Do Thi Lan, Le Thi Thuy Trang (2022). Factors influencing the decision of Vietnamese students to choose a career in the accounting and auditing field. *Industry and Trade Magazine, Vol. 13*, 186-191.

Ng Yen-Hong, Lai, Sue-Pei, Su, Zhi-Peng, Yap, Jing-Yi, Teoh, Hui-Qi, & Lee, Han (2017). Factors influencing accounting students' career paths. *Journal of Management Development, 36*(3), 319-329.

Odia, JO, & Ogiedu, KO (2013). Factors affecting the study of accounting in Nigerian Universities. *Journal of Educational Social Research, 3*(3), 89.

Porter, Jason, & Woolley, Darryl (2014). An examination of the factors affecting students' decision to major in accounting. *International Journal of Accounting Taxation, 2*(4), 1-22.

Raharja, Surya, & Liany, Dewi (2020). Factors affecting accounting students in choosing accounting career path. *Jurnal Dinamika Akuntansi, 12*(2), 100-113.

Samsuddin, Mas Ervina, Khairani, Noor Sufiawati, Wahid, Emelin Abdul, & Abd Sata, Fazrul Hanim (2015). Awareness, motivations and readiness for professional accounting education: A case of accounting students in UiTM Johor. *Procedia Economics Finance, 31*, 124-133.

Tabachnick BG, Fidell LS (1996). *Using Multivariate Statistics*. Needham Heights, Allyn and Bacon.

Tran Thi Hong Diem, Le Thi Bao Nhu (2022). *Factors influencing the choice of accounting major of students*. Vietnam Conference on Accounting and Auditing 2022 - VCAA 2022, 1314 – 1324.

Yusoff, Yusliena, Omar, Zanariah Aziz, Awang, Yunita, Yusoff, Rohana, & Jusoff, Kamaruzaman (2011). Does knowledge on professional accounting influence career choice. *World Applied Sciences Journal, 12* (Bolstering Economic Sustainability), 57-60.

AUTHORS INFORMATION

Tran Thi Hong Diem¹, Nguyen Thi Thu Hau²

¹Faculty of Finance - Accounting - Banking, University of Phan Thiet, Vietnam

²Faculty of Economics, Bac Lieu University, Vietnam